TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **90**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2020
Về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Ông Nguyễn Văn Đoạt

- Thư ký ghi biên bản: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất: không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trui sôû Toaø aùn nhaân daân huyeän Hoøn Ñaát, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 266/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 về việc **"**Tranh chấp ly hôn và nuôi con**"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110A/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Y**, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Số 863/49 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường AB, thành phố RG, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh O**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Đầu Doi, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn xin ly hôn, chị Trần Thị Y trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh O quen biết, tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Về mâu thuẫn gia đình: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống chung, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, dẫn đến cự cãi, bất hòa trong gia đình. Từ đó hai bên quyết định sống ly thân từ 01 năm nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Do cuộc sống gia đình không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh O để mỗi người có cuộc sống riêng của mình.

- Về con chung: **V**ợ chồng chị sinh được 01 người con chung tên Nguyễn Trần Thanh N, sinh ngày 26/02/2014. Chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh O phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại văn bản ngày 09/9/2020, bị đơn anh Nguyễn Thanh O trình bày:*

Tôi và cô Y quen biết, tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2012, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Thuận. Trong thời kỳ hôn nhân, chúng tôi có 01 con chung tên Nguyễn Trần Thanh N, sinh ngày 26/02/2014.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: trong thời gian chung sống vợ chồng tôi bất đồng quan điểm nên thường xuyên phát sinh cự cãi, bất hòa trong gia đình. Từ đó tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Nay tôi đồng ý ly hôn với cô Y.

Về con chung: Tôi đồng ý giao cho cô Y tiếp tục nuôi dưỡng con chung, tôi sẽ cấp dưỡng tùy theo khả năng của mình.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và nuôi con của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh O có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh O.

2. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Y và anh Nguyễn Thanh O kết hôn là do tự nguyện yêu thương và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/7/2012 là đúng quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân anh chị phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống chung, dẫn đến việc

hai bên sống ly thân từ giữa năm 2019 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Chị Y và anh O hiện tại đang sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau từ 01 năm nay. Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Y xác định không còn tình cảm gì với anh O, không thể hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng với anh O nên chị mong muốn được ly hôn để chấm dứt mối quan hệ vợ chồng này. Mặt khác, tại văn bản nêu ý kiến của mình, anh O cũng đồng ý ly hôn với chị Y. Do đó, căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Thị Y với anh Nguyễn Thanh O.

3. Về con chung: Chị Y và anh O có 01 con chung tên Nguyễn Trần Thanh N, sinh ngày 26/02/2014. Chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, cháu N hiện nay còn nhỏ nên rất cần có sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, ý kiến của anh O cũng đồng ý giao con cho chị Y nuôi dưỡng nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Y về việc được tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không có yêu cầu về cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên HĐXX không xem xét.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Trần Thị Y.

6. Về án phí: Chị Y phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 227, Điều 228 Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Y với anh Nguyễn Thanh O.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Y được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Thanh N, sinh ngày 26/02/2014 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh O có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0001100 ngày 29 tháng 7 năm 2020. Chị Y không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Thanh O được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Mỹ Thuận;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc